

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HS-ST

Ngày: 15-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thắng

Bà Hà Thị Nở

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Toàn, bà Trần Thanh Nhài- Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 08 đến ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2023/TLST - HS ngày 22 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Ngô Thị D; Sinh năm 1969 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trưởng phòng thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo 1 - Thanh tra tỉnh Lai Châu; Là đảng viên Đ4 hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ngô Sỹ P, sinh năm 1937 và bà Hoàng Thị M (đã chết); Chồng: La Vĩnh C, sinh năm 1968; Con: Có 01 con sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2023, tạm giam từ ngày 06/4/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L cho đến nay (Có mặt).

2. Đỗ Lương B; Sinh năm 1983 tại tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKKHKT: Tổ A, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Thanh tra viên - Thanh tra tỉnh Lai Châu; Là đảng viên Đ4 hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Xuân B1, sinh năm 1957 và bà Trần Thị L, sinh năm 1959; Vợ: Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1990; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2023, tạm giam từ ngày 06/4/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L cho đến nay (Có mặt).

3. Nguyễn Thanh T; Sinh năm 1969 tại tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Chánh thanh tra - Thanh tra tỉnh Lai Châu; Là đảng viên Đ4 hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng;

Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T2 (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Hải N, sinh năm 1977; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/5/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L cho đến nay (Có mặt).

4. Vũ Thanh V; Sinh năm 1984 tại tỉnh Tuyên Quang; Nơi ĐKHKTT: Tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nơi ở hiện nay: Tổ B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Thanh tra viên - Thanh tra tỉnh Lai Châu; Là đảng viên Đ4 hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Văn S, sinh năm 1957 và bà Lê Thị T3, sinh năm 1959; Vợ: Trịnh Thị T4, sinh năm 1989; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/4/2023 cho đến nay (Có mặt).

5. Lê Mạnh C1; Sinh năm 1988 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ A, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Thanh tra viên - Thanh tra tỉnh Lai Châu; Là đảng viên Đ4 hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T5, sinh năm 1960 và bà Bùi Thị H1, sinh năm 1960; Vợ: Ngô Thị Bích L1, sinh năm 1993; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/4/2023 cho đến nay (Có mặt).

6. Lò Văn N1; Sinh năm 1989 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ I, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh L; Là đảng viên Đ4 hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn P1, sinh năm: 1962 và bà Lì Thị P2, sinh năm 1963; Vợ: Vi Thị H2, sinh năm 1990; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2023 đến ngày 06/4/2023 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn C2 đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (Có mặt).

7. Phạm Trọng T6; Sinh năm 1973 tại tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ E, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Viên chức Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L; Là đảng viên Đ4 hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Trọng T7 (đã chết) và bà Vũ Thị C3 (đã chết); Vợ: Hoàng Thị Hồng N2, sinh năm 1976; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/4/2023 cho đến nay (Có mặt).

8. Mai Hồng H3; Sinh năm 1982 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Mai Hồng H4, sinh năm 1952 và bà Phạm Thị H5, sinh năm 1959; Vợ: Nguyễn Thị D1, sinh năm 1987; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2023, tạm giam từ ngày 06/4/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L cho đến nay (Có mặt).

9. Tống Văn H6; Sinh năm 1977 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Khu phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ huyện M; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Tống Văn K, sinh năm 1945 và bà Đào Thị S1 (đã chết); Vợ: Đào Thị L2, sinh năm 1982; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2023, tạm giam từ ngày 06/4/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L cho đến nay (Có mặt).

10. Mạch Thọ Q; Sinh năm 1982 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Mạch Thọ H7, sinh năm 1954 và bà Lê Thị H8, sinh năm 1955; Vợ: Nguyễn Thị S2, sinh năm 1989; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2023, tạm giam từ ngày 06/4/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L cho đến nay (Có mặt).

11. Nguyễn Văn H9; Sinh năm 1979 tại tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản P, thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ huyện N; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Xuân T8, sinh năm 1954 và bà Hoàng Thị L3, sinh năm 1953; Vợ: Nguyễn Thị H10, sinh năm 1981; Con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2023, tạm giam từ ngày 06/4/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L cho đến nay (Có mặt).

12. Nguyễn Duy H11; Sinh năm 1986 tại thành phố Hà Nội; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Khu phố E, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ huyện S; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Duy H12, sinh năm

1947 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1956; Vợ: Phạm Kim N3, sinh năm 1990; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/12/2023, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/3/2023 trong một vụ án khác, hiện đang chấp hành án tại Trại giam T21 (Có mặt).

13. Lò Thanh T9; Sinh năm 1987 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Xóm Mới, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Thanh Q1, sinh năm 1961 và bà Đinh Thị T10, sinh năm 1963; Vợ: Lò Thị T11, sinh năm 1989; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2023, tạm giam từ ngày 06/4/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L cho đến nay (Có mặt).

14. Nguyễn Văn T12; Sinh năm 1977 tại tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ huyện P; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tấn L4, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị N4, sinh năm 1940; Vợ: Nguyễn Thị Kim T13, sinh năm 1981; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2023, tạm giam từ ngày 06/4/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L cho đến nay (Có mặt).

15. Lưu Anh V1; Sinh năm 1980 tại tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khu phố C, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện S (nguyên Trưởng Ban Q, huyện S); Là đảng viên Đ4 hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lưu Quang C4 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Q2, sinh năm 1950; Vợ: Đặng Thị Hồng H13, sinh năm 1984; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/4/2023 cho đến nay (Có mặt).

16. Nguyễn Ngọc C5; Sinh năm 1980 tại tỉnh Phú Thọ; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Khu phố E, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện S (nguyên Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ huyện S); Là đảng viên Đ4 hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn D2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T14, sinh năm 1954; Vợ: Lã Thị Thu H14, sinh năm 1982; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/4/2023 cho đến nay (Có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo Ngô Thị D:* Ông Nguyễn Chí Đ1 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L; Địa chỉ: Số B, đường T, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt khi tuyên án).

* *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Lương B:* Ông Trần Văn H15 - Luật sư Công ty L5 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: P, tòa R, khu đô thị R, G N, quận T, thành phố Hà Nội (Vắng mặt khi tuyên án).

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T:* Ông Bùi Việt A, ông Đoàn Văn T15 - Luật sư Văn phòng L6 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: Tầng C, số B, phố H, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội (Vắng mặt khi tuyên án).

* *Những người được Tòa án triệu tập:*

1. Ông Nguyễn Văn T16, sinh năm 1982 - Trú tại: Tổ dân phố N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

2. Bà Vũ Thị H16, sinh năm 1987 - Trú tại: Bản H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

3. Ông Nguyễn Quốc V2, sinh năm 1975 - Trú tại: Khu phố E, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu (Có mặt)

4. Ông Phạm Chí T17, sinh năm 1978 - Trú tại: Tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Có mặt)

5. Ông Nguyễn Công V3, sinh năm 1982 - Trú tại: Khu phố D, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt khi tuyên án).

6. Bà Nguyễn Thị Hải N, sinh năm 1977 - Trú tại: Số nhà A, tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Ngày 05/12/2022, Bộ N7 ban hành Công văn số 440/BNN-TCLN-m, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh L chỉ đạo thanh tra toàn diện công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2021. Ngày 19/12/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Công văn số 201/UBND-KTN và số 202/UBND-KTN về việc chỉ đạo Thanh tra tỉnh Lai Châu tham mưu thanh tra công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng, công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2021. Trên cơ sở đó, Thanh tra tỉnh Lai Châu đã ban hành các Quyết định số 01/QĐ-TTr ngày 03/01/2023 thanh tra đột xuất công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu, số 09/QĐ-TTr ngày 17/01/2023 thanh tra đột xuất việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Thành lập Đoàn thanh tra gồm: Ngô Thị D - Trưởng Phòng thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo 1 - Thanh tra tỉnh Lai Châu làm Trưởng đoàn cùng với các thành viên: Đỗ Lương B - Thư ký đoàn, Vũ Thanh V, Lê Mạnh C1 - đều là Thanh tra viên thuộc Thanh tra tỉnh, Lò Văn N1 - Chuyên viên phòng Kế hoạch - Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh, Phạm Trọng T6 - Viên chức Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L. Các

quyết định thanh tra do Nguyễn Thanh T, Chánh Thanh tra tỉnh Lai Châu trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo.

Sau khi công bố các quyết định thanh tra, Đoàn thanh tra yêu cầu Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra để kiểm tra, đối chiếu và làm việc tập trung tại Phòng thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1 - Thanh tra tỉnh Lai Châu. Ngô Thị D phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong Đoàn thanh tra bằng miệng, yêu cầu các thành viên kiểm tra, đối chiếu số liệu liên quan đến nội dung thanh tra chuyển Đỗ Lương B thư ký đoàn kiểm tra tổng hợp chung. Trong quá trình thanh tra phát hiện hóa đơn mua cây giống tại Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện có sự chênh lệch lớn so với hóa đơn mua vào của các đơn vị cung ứng. Biết được nội dung này nên ngày 16/02/2023, 06 người gồm: Mai Hồng H3, Tống Văn H6, Mạch Thọ Q, Nguyễn Duy H11, Lò Thanh T9, Nguyễn Văn T12 (lần lượt là Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện T, M, Tam Đ2, Sìn H17, T, Phong T18) hẹn gặp nhau tại thành phố L, thống nhất cử Mai Hồng H3, Tống Văn H6 đại diện các Ban đến gặp Ngô Thị D và Đỗ Lương B tại Phòng thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1 - Thanh tra tỉnh Lai Châu để nói chuyện. Tại đây, Ngô Thị D, Đỗ Lương B đưa một số hóa đơn mua cây giống của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện S để H3, H6 xem, nghiên cứu đối chiếu để đánh giá vi phạm. Nhận thấy hóa đơn mua cây giống tại Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện đều có sự chênh lệch lớn so với hóa đơn mua vào của các đơn vị cung ứng nên Mai Hồng H3 đặt vấn đề với Ngô Thị D về việc “cảm ơn” Lãnh đạo Thanh tra tỉnh và Đoàn thanh tra bằng tiền “từ ba con số trở lên” (tức số tiền trăm triệu đồng trở lên) để xin bỏ qua lỗi chênh lệch giá cây giống nhưng Ngô Thị D nói không quyết định được phải báo cáo Chánh Thanh tra tỉnh nên bảo H3 làm việc trực tiếp với B, đồng thời D chỉ đạo B gặp, làm việc với các Ban quản lý rừng. Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, H3 và H6 đến gặp Đỗ Lương B tại nhà riêng nói chuyện, H3 đề xuất “cảm ơn” từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng nhưng Bằng K1 đồng ý và cho biết làm việc với D như thế nào thì cứ thế thực hiện, B không có quyền quyết định nên H3 đề xuất “cảm ơn” Đoàn thanh tra 300.000.000 đồng, Lãnh đạo Thanh tra tỉnh cũng như của Đoàn thanh tra (được hiểu là 300.000.000 đồng) thì được B gật đầu đồng ý. Còn Ngô Thị D sau đó gặp báo cáo với Nguyễn Thanh T nội dung các Ban muốn gặp “cảm ơn” T (nhưng không nói gì đến việc các Ban cảm ơn Đoàn thanh tra), được T nói: Nếu giúp được mà không ảnh hưởng đến tỉnh thì tạo điều kiện cho các Ban nhưng phải có căn cứ và không được giấu số liệu. D báo cho B biết và chỉ đạo B trực tiếp làm việc với các Ban để nhận tiền của Đoàn thanh tra, còn của bị cáo T cứ để các Ban trực tiếp gặp.

Mai Hồng H3, Tống Văn H6 sau khi gặp Đỗ Lương B thì đến gặp Mạch Thọ Q, Nguyễn Duy H11, Lò Thanh T9, Nguyễn Văn T12, cả nhóm bàn bạc, thống nhất cùng nhau đóng góp số tiền 600.000.000 đồng để đưa cho Thanh tra với tỷ lệ đóng góp theo diện tích rừng trồng của từng Ban quản lý rừng các huyện. Mạch Thọ Q gọi điện thông báo cho Nguyễn Văn H9 - Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ huyện N biết việc Đoàn thanh tra phát hiện chênh lệch về giá cây giống và đóng góp số tiền

600.000.000 đồng để xin Đoàn thanh tra bỏ qua lỗi vi phạm nhưng lúc này H9 chưa đồng ý, còn Nguyễn Duy H11 chưa quyết định được do còn liên quan đến các Trưởng Ban trước đây. Vì vậy, trong lần bàn bạc này các bị cáo chưa chốt được số tiền đóng góp của từng Ban để đưa hồi lộ. Đến ngày 17/02/2023, Tống Văn H6 tiếp tục gọi điện thông báo lại nội dung cho H9 biết, H9 đồng ý đóng góp 60.000.000 đồng để đưa cho Thanh tra tỉnh nên H6 nhắn tin thông báo cho H3 biết. Sau đó H6 ghi số tiền các Ban phải đóng góp ra tờ giấy rồi chụp gửi qua Zalo cho các Trưởng Ban, cụ thể: Mường Tè 100.000.000 đồng, Tân Uyên 100.000.000 đồng, Tam Đ2 60.000.000 đồng, Than U 30.000.000 đồng, Phong T18 20.000.000 đồng, Nậm N5 60.000.000 đồng, S3 Hồ 230.000.000 đồng. Tổng là 600.000.000 đồng.

Sau khi nhận được thông tin Ban quản lý rừng phòng hộ huyện S phải đóng góp số tiền 230.000.000 đồng đưa cho Thanh tra tỉnh. Sáng ngày 20/02/2023, Nguyễn Duy H11 hẹn gặp Lưu A1 Võ là Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện S (nguyên Trưởng Ban Q, Sìn H17), Nguyễn Ngọc C5 là Phó Trưởng phòng Nông nghiệp huyện S (nguyên Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ huyện S) bàn bạc, thống nhất cùng nhau đóng góp tiền đưa hồi lộ cho Thanh tra tỉnh xin bỏ qua lỗi vi phạm liên quan đến hóa đơn cây giống tại thời điểm V1, C6 là Trưởng Ban, V1 và C5 đồng ý mỗi người góp 70.000.000 đồng. Cùng ngày, V1 chuyển khoản số tiền 29.000.000 đồng đến tài khoản của H11 và đưa 41.000.000 đồng tiền mặt, Chính chuyển khoản số tiền 70.000.000 đồng đến tài khoản của Nguyễn Công V3 để nhờ V3 chuyển số tiền trên đến tài khoản của Nguyễn Duy H11.

Chiều ngày 20/02/2023, Mai Hồng H3, Tống Văn H6, Mạch Thọ Q, Nguyễn Duy H11, Nguyễn Văn T12 gặp nhau tại quán C7 ở thành phố L để góp tiền đưa cho Thanh tra tỉnh. Cụ thể: Mai Hồng H3 góp 100.000.000 đồng, Tống Văn H6 góp 100.000.000 đồng, Mạch Thọ Q góp 60.000.000 đồng, Nguyễn Duy H11 góp 200.000.000 đồng (thiếu 30.000.000 đồng theo thỏa thuận trước đó), Nguyễn Văn T12 góp 10.000.000 đồng (thiếu 10.000.000 đồng theo thỏa thuận trước đó), Nguyễn Văn H9 không đến nên chuyển khoản số tiền 60.000.000 đồng nhờ Tống Văn H6 góp hộ, Lò Thanh T9 không đến nên chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng nhờ Mạch Thọ Q góp hộ. Tổng số tiền góp được là 560.000.000 đồng. Tống Văn H6, Nguyễn Duy H11 chia số tiền trên vào 02 túi, 01 túi nilon màu xanh do Ngân hàng V5 phát hành để số tiền 300.000.000 đồng; 01 túi vải màu đen để số tiền 260.000.000 đồng. Mai Hồng H3 liên lạc qua điện thoại hẹn gặp Nguyễn Thanh T rồi Nguyễn Duy H11 dẫn Mai Hồng H3, Tống Văn H6, Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn T12 đến gặp Nguyễn Thanh T tại nhà riêng. Khi đến nơi, Nguyễn Duy H11 không vào vì có việc, Tống Văn H6 ngồi trên xe chờ nên đưa túi nilon màu xanh bên trong đựng số tiền 300.000.000 đồng để Nguyễn Văn T12 cầm đi cùng với Mai Hồng H3, Mạch Thọ Q vào nhà gặp Nguyễn Thanh T ở phòng khách, H3 giới thiệu đại diện ở Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện đến nhờ xem xét trong quá trình thanh tra, rồi T12 đặt túi đựng 300.000.000 đồng trên ghế đôn để cảm ơn Trì rồi cả nhóm ra về. Sau đó, Mai Hồng H3, Tống Văn H6, Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn T12 tiếp tục đến gặp Đỗ Lương

B tại nhà riêng, tại đây H3, H6, Q, T12 thông báo cho B biết mấy anh em vừa đến nhà T, H3 cầm túi đựng số tiền 260.000.000 đồng đưa cho B và nói: Khó khăn quá nên không đủ số tiền như đã thống nhất, B cầm tiền và nói: Thôi khó khăn quá thì biết làm sao được, sau đó cả nhóm cùng nhau đi về.

Các bị cáo Nguyễn Thanh T, Đỗ Lương B khi nhận tiền đều biết mục đích các Ban đưa tiền để xin bỏ qua lỗi vi phạm trong quá trình thanh tra. Bị cáo B sau khi nhận tiền đã thông báo cho Ngô Thị D biết đã nhận 260.000.000 đồng và việc các Ban đã đến gặp T trước khi đến gặp B đưa tiền. Bằng, D thống nhất chia số tiền đã nhận cho thành viên trong Đoàn thanh tra, trong đó Vũ Thanh V, Lê Mạnh C1, Lò Văn N1 và Phạm Trọng T6 mỗi người 25.000.000 đồng, còn lại D và B mỗi người 80.000.000 đồng. Bằng trực tiếp chia số tiền 260.000.000 đồng như đã thống nhất với D và giữ lại phần của mình rồi cho các phần còn lại vào phong bì do ngành Bưu điện phát hành. Sáng ngày 21/02/2023, Đỗ Lương B cầm theo các phong bì đến Phòng thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo 1 - Thanh tra tỉnh lần lượt chuyển cho Vũ Thanh V, Lê Mạnh C1, Lò Văn N1, Phạm Trọng T6 mỗi người một phong bì bên trong đựng số tiền 25.000.000 đồng và nói riêng với từng người “quà của các Ban” (V, C1, N1, T6 khi nhận tiền đều biết do các Ban đưa để xin bỏ qua lỗi vi phạm trong quá trình Thanh tra nhưng không biết cụ thể là bỏ qua lỗi gì và chỉ biết nhận phần tiền của mình, không biết được các thành viên khác trong Đ3 nhận được hay không). Bằng tiếp tục để phong bì đựng số tiền 80.000.000 đồng trong ngăn kéo bàn làm việc của Ngô Thị D rồi báo cho D biết. Còn đối với Nguyễn Thanh T, sau khi nhận số tiền 300.000.000 đồng đã lấy 30.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết, còn lại 270.000.000 đồng đưa cho vợ là Nguyễn Thị Hải N nhưng không nói cho N biết về nguồn gốc số tiền do phạm tội mà có. Ngày 22/02/2023, N nộp 270.000.000 đồng vào tài khoản của mình, sau đó chuyển vào tài khoản của bị cáo T mở tại Ngân hàng B3 chi nhánh tỉnh L để trả nợ khoản vay của gia đình.

Trong quá trình thanh tra, sau khi nhận tiền hối lộ, Đoàn thanh tra đã tham mưu cho Chánh thanh tra là bị cáo Nguyễn Thanh T ký báo cáo mật ngày 07/3/2023 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo báo cáo tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh B4 Thường trực Tỉnh ủy nhưng đều không đề cập đến chênh lệch trong hóa đơn mua cây giống tại Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện. Đến ngày 23/3/2023, bị cáo Nguyễn Duy H11 viết đơn tự thú về hành vi đưa hối lộ, nhận hối lộ của mình và các đồng phạm. Ngày 28/3/2023 đến ngày 29/3/2023 lần lượt các bị cáo Mạch Thọ Q, Vũ Thanh V, Phạm Trọng T6, Tống Văn H6, Đỗ Lương B, Lê Mạnh C1, Lưu Anh V1, Nguyễn Ngọc C5 đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình cùng với các đồng phạm; các bị cáo còn lại lần lượt bị triệu tập, bắt giữ sau đó. Cơ quan điều tra đã khám xét, thu giữ các đồ vật, tài liệu, dữ liệu liên quan đến vụ án, trưng cầu giám định theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận giám định số 900/KL-KTHS ngày 14/9/2023 của Phòng K2 - Công an tỉnh L, kết luận:

“Khôi phục, trích xuất được dữ liệu danh bạ điện thoại, danh bạ trong ứng

dụng Zalo, danh bạ trong ứng dụng Facebook; tin nhắn SMS, tin nhắn trong ứng dụng Zalo, tin nhắn trong ứng dụng Messenger, hình ảnh có trong các mẫu vật gửi giám định:

Tìm thấy 13.8 GB (14,876,203,221 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu VSmart, màu xám, kèm theo 01 sim V6.

Tìm thấy 7.76 GB (8,338,755,984 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu xanh đen, kèm theo 02 sim Vinaphone.

Tìm thấy 12.7 GB (13,637,710,627 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10 Lite, màu đen, kèm theo 01 sim Vinaphone, 01 sim V6.

Tìm thấy 17.5 GB (18,864,685,977 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu tím, kèm theo 01 sim Viette.

Không tiến hành trích xuất, khôi phục dữ liệu trong điện thoại Iphone XsMax, màu vàng, kèm theo 01 sim VIETTEL, vì trong quá trình giám định xảy ra sự cố chập, cháy nguồn, gây hỏng mẫu vật.

Tìm thấy 44.8 GB (48,156,941,786 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M51, màu đen, kèm theo 01 sim V6.

Tìm thấy 144 KB (148,438 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, kèm theo 01 sim Vinaphone.

Tìm thấy 200 MB (210,342,629 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04, màu đen.

Không tiến hành trích xuất, khôi phục dữ liệu trong điện thoại Iphone 6s Plus, màu trắng, kèm theo 01 sim Viettel vì trong quá trình giám định xảy ra sự cố chập, cháy nguồn, gây hỏng mẫu vật.

Không thực hiện khôi phục, trích xuất đối với điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen trắng, do điện thoại không lên nguồn. Tìm thấy 10.2 KB (10,500 bytes) dữ liệu trong 01 sim Viettel, 01 sim Vinaphone.

Không tiến hành trích xuất, khôi phục dữ liệu trong điện thoại Iphone XSMax, màu vàng đồng, kèm theo 01 sim V6 vì trong quá trình giám định xảy ra sự cố chập, cháy nguồn, gây hỏng mẫu vật.

Tìm thấy 1.88 GB (2,023,058,071 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu xanh, kèm theo 01 sim Vinaphone.

Tìm thấy 206 MB (216,451,386 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng đồng.

Tìm thấy 3.52 GB (3,786,271,176 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A31, màu trắng, kèm theo 01 sim V6.

Tìm thấy 1.12 GB (1,210,413,962 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu trắng, kèm theo 01 sim Vinaphone.

Tìm thấy 893 MB (937,409,433 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55, màu đen, kèm theo 01 sim Vinaphone.

Tìm thấy 4.25 GB (4,573,680,513 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn

hiệu SamSung Galaxy Note 10, màu trắng, kèm theo 01 sim Vinaphone, 01 sim V6.

Tìm thấy 8.29 GB (8,909,303,333 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy M33, màu xanh, kèm theo 01 sim Vinaphone, 01 sim V6.

Dữ liệu điện tử tìm thấy trong các điện thoại gửi giám định được nén trong tệp tin có tên: “Du lieu.rar”, dung lượng 114 GB (123,104,058,195 bytes), có mã MD5 là: B71F49FB582BDA2714303A8F81E3E5E3 và mã SHA-1 là: 68519E6E12171B8F1EC54ED828495146D30B0A53”.

Tại phiên phiên tòa, các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng cho rằng các bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm c khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự với tổng số tiền là 260.000.000 đồng vì: Các bị cáo không trực tiếp nhận, không biết nội dung các Ban đến nhà bị cáo Nguyễn Thanh T như thế nào và không biết cụ thể số tiền bị cáo T đã nhận là bao nhiêu.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thanh T, Vũ Thanh V, Lê Mạnh C1, Lò Văn N1, Phạm Trọng T6, Mai Hồng H3, Tống Văn H6, Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn H9, Nguyễn Duy H11, Lò Thanh T9, Nguyễn Văn T12, Nguyễn Ngọc C5 đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Lưu Anh V1 lúc đầu quanh co chối tội nhưng sau đó đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về các vấn đề khác của vụ án: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ của các bị cáo gồm những đồ vật, tài liệu sau:

Thu của Ngô Thị D: 80.000.000 đồng; một số giấy tờ, tài liệu, sổ sách; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 màu tím kèm theo sim. Bị cáo D khai bị cáo dùng điện thoại để liên lạc trao đổi khi thực hiện hành vi phạm tội, số tiền thu giữ là tiền bị cáo nhận hối lộ mà có nên bị cáo nộp lại để khắc phục hậu quả, còn lại là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Thu của Đỗ Lương B: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A31 kèm theo sim; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS vỏ màu nâu đen; số tiền 80.000.000 đồng do vợ bị cáo là Nguyễn Thị Thanh H giao nộp để khắc phục hậu quả. Bị cáo B khai điện thoại bị cáo dùng để liên lạc trao đổi khi thực hiện hành vi phạm tội, số tiền thu giữ là tiền bị cáo nhận hối lộ mà có nên bị cáo đã tác động gia đình nộp lại để khắc phục hậu quả, còn lại là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Thu của Nguyễn Thanh T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen kèm theo sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAM SUNG Galaxy M51 màu đen kèm theo sim; 01 máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu DELL Vostro 3480; một số tài liệu, giấy tờ và sổ; 01 Galaxy tab S7+; 01 điện thoại Sam sung Galaxy A04 màu đen; 04 thẻ ngân hàng mang tên Nguyễn Thanh T (01 thẻ ngân hàng A2, 01 thẻ ngân hàng T22, 02 thẻ ngân hàng B3); 01 USB màu đen; 01 USB sao trích dữ liệu trong camera hành trình; 01 cây CASE vi tính màu đen; 01 camera hành trình; số tiền 300.000.000 đồng do vợ bị cáo là Nguyễn Thị Hải N nộp. Bị cáo T khai nhận, bị cáo dùng điện thoại Nokia 105 màu đen để nhận cuộc gọi của các bị cáo hẹn gặp

tại nhà trước khi nhận hồi lộ, số tiền 300.000.000 đồng là tiền do nhận hồi lộ mà có, bị cáo đã tác động gia đình nộp lại để khắc phục hậu quả, còn lại các tài liệu, giấy tờ, tài sản đã thu giữ là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội. Đối với 01 Galaxy tab S7+ là của Thanh tra tỉnh Lai Châu, ngày 30/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã trả lại cho Thanh tra tỉnh Lai Châu.

Thu của Vũ Thanh V: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMAX màu vàng kèm theo sim; 01 máy tính xách tay Lenovo màu đen; số tiền 25.000.000 đồng. Bị cáo V khai số tiền trên là tiền do nhận hồi lộ mà có, bị cáo giao nộp để khắc phục hậu quả, các tài sản còn lại là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Thu của Lê Mạnh C1: 01 máy tính xách tay hiệu Dell core i5; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu trắng kèm theo sim; số tiền 25.000.000 đồng. Bị cáo C1 khai số tiền trên là tiền do nhận hồi lộ mà có, bị cáo giao nộp để khắc phục hậu quả, các tài sản còn lại là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Thu của Lò Văn N1: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ACER core i3 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSmart màu xám kèm theo sim; số tiền 25.000.000 đồng do vợ bị cáo là Vi Thị H2 nộp. Bị cáo N1 khai số tiền trên là tiền do nhận hồi lộ mà có, bị cáo đã tác động gia đình giao nộp để khắc phục hậu quả, các tài sản còn lại là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Thu của Phạm Trọng T6: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL màu đen; 01 cây máy tính nhãn hiệu HP màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu trắng; số tiền 25.000.000 đồng. Bị cáo T6 khai số tiền trên là tiền do nhận hồi lộ mà có, bị cáo giao nộp để khắc phục hậu quả, các tài sản còn lại là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Thu của Mai Hồng H3: 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh kèm theo sim. Bị cáo H3 khai điện thoại trên dùng để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội.

Thu của Tống Văn H6: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh kèm theo sim. Bị cáo H6 khai điện thoại trên dùng để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội.

Thu của Mạch Thọ Q: 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10 Lite màu đen kèm theo sim; 01 cây lưu dữ liệu máy tính màu đen, nhãn hiệu FPT (M535). Bị cáo Q khai điện thoại trên dùng để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội, còn lại là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Thu của Nguyễn Văn H9: 01 CASE máy vi tính nhãn hiệu DELL INS; giấy tờ, tài liệu liên quan; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL ISPRION vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng đen kèm theo sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 màu đen kèm theo sim. Bị cáo H9 khai điện thoại OPPO A55 dùng để liên lạc trao đổi khi thực hiện hành vi phạm tội, còn lại là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Thu của Lò Thanh T9: 01 cây máy tính nhãn hiệu HP màu đen; 01 mắt camera có gắn một thẻ nhớ; 01 ổ cứng di động; giấy tờ, sổ sách; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M33 màu xanh kèm theo sim. Bị cáo T9 khai bị cáo dùng

điện thoại để liên lạc trao đổi khi thực hiện hành vi phạm tội, còn lại là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Thu của Nguyễn Văn T12: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng Gold; 01 máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu DELL; 01 IPAD màu đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy Note 10 màu trắng kèm theo sim. Bị cáo T12 khai dùng điện thoại SamSung để liên lạc trao đổi khi thực hiện hành vi phạm tội, còn lại là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

T19 của Lưu A1 Võ: 01 điện thoại Iphone Xs Max màu vàng kèm theo sim, bị cáo V1 khai là của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

Người được Tòa án triệu tập ông Nguyễn Văn T16 trong quá trình điều tra trình bày: Ông là Phó Ban quản lý rừng phòng hộ huyện N nên khoảng giữa tháng 02/2023, Tống Văn H6 có điện thoại cho ông nói làm quà cho Đoàn thanh tra nhưng không nói gộp như thế nào, số tiền cụ thể là bao nhiêu. Ông trả lời do đã chuyển công tác nên cụ thể như thế nào thì trao đổi với Nguyễn Văn H9. H6 nhờ ông trao đổi lại với H9 nên cùng ngày ông điện thoại cho H9 nói lại nội dung H6 trao đổi và bảo H9 trao đổi cụ thể với H6, H9 và H6 trao đổi với nhau như thế nào ông T16 không biết.

Người được Tòa án triệu tập bà Vũ Thị H16 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Bà công tác tại Ban quản lý rừng phòng hộ huyện T nên tháng 02/2023 bà có cho Mạch Thọ Q vay 60.000.000 đồng, Q vay làm gì bà hoàn toàn không biết.

Người được Tòa án triệu tập ông Nguyễn Quốc V2 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 20/02/2023 khi ông đến phòng làm việc, đang uống nước thì thấy H11, V1 và C5 đến. Tại đây, anh em có nói sai sót trông rừng năm 2015 - 2016 nhưng ông nói thời gian đó ông chưa quản lý nên mọi người xem lại để giải trình. Sau đó, ông có điện thoại nên ra ngoài nghe, khi vào phòng mọi người đã về hết nên không biết mọi người nói chuyện và trao đổi với nhau như thế nào, không biết việc mọi người gộp tiền đưa hối lộ Thanh tra tỉnh.

Người được Tòa án triệu tập ông Phạm Chí T17 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Ông làm nghề ươm cây giống bán trên địa bàn tỉnh Lai Châu nên từ năm 2015 đến năm 2021 có cung cấp cây giống cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện S. Khoảng tháng 02/2023, Nguyễn Duy H11 có điện thoại cho ông để bảo ông ủng hộ tiền để phục vụ Đoàn thanh tra, H11 không nói số tiền cụ thể là bao nhiêu nhưng vì điều kiện khó khăn nên ông không đồng ý, sau đó ông và H11 không trao đổi gì với nhau nữa.

Người được Tòa án triệu tập ông Nguyễn Công V3 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Chiều ngày 20/02/2023, Nguyễn Ngọc C5 có chuyển khoản cho ông 70.000.000 đồng để nhờ ông chuyển khoản cho Nguyễn Duy H11. Ông không biết số tiền trên C5 nhờ chuyển cho H11 để làm gì.

Người được Tòa án triệu tập bà Nguyễn Thị Hải N trong quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Ngày 22/02/2023, chồng bà là bị cáo Nguyễn Thanh T có đưa cho bà 270.000.000 đồng, bà đã nộp vào tài khoản của bà sau đó chuyển đến tài

khoản thấu chi mang tên Nguyễn Thanh T. Số tiền trên bà không biết nguồn gốc do đâu mà có.

Đối với Nguyễn Văn T16 là người được Tống Văn H6 điện thoại nói về vi phạm và góp tiền đưa Đ3 thanh tra nhưng do T16 đã chuyển công tác nên bảo H6 trao đổi với Nguyễn Văn H9, T16 không biết H6 và H9 trao đổi việc góp tiền đưa Đoàn thanh tra như thế nào nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Vũ Thị H16 là người cho Mạch Thọ Q vay số tiền 60.000.000 đồng để đưa hối lộ; Nguyễn Công V3 là người giúp Nguyễn Ngọc C5 chuyển số tiền 70.000.000 đồng đến tài khoản của Nguyễn Duy H11 để đưa hối lộ; Kết quả điều tra xác định H16, V3 không biết Mạch Thọ Q, Nguyễn Ngọc C5, Nguyễn Duy H11 sử dụng số tiền trên để đưa hối lộ nên không cấu thành tội phạm.

Đối với Nguyễn Quốc V2 là người được Nguyễn Duy H11, Lưu Anh V1, Nguyễn Ngọc C5 đến phòng làm việc để bàn bạc hướng xử lý khi Đoàn thanh tra chỉ ra một số lỗi trong quá trình thanh tra. Tuy nhiên khi H11, V1, C5 bàn bạc góp tiền để đưa cho Thanh tra tỉnh thì Nguyễn Quốc V2 đi ra ngoài nghe điện thoại nên V2 không biết, không tham gia cùng với các bị cáo trong việc góp tiền đưa cho Thanh tra tỉnh, vì vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Phạm Chí T17 là người được Nguyễn Duy H11 liên lạc đề nghị ủng hộ tiền để phục vụ Đoàn thanh tra tỉnh, sau đó vì không có tiền nên T17 không góp tiền cho H11 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Thị Hải N đã nhận số tiền 270.000.000 đồng của Nguyễn Thanh T để nộp vào tài khoản của mình rồi chuyển vào tài khoản thấu chi của bị cáo T mở tại Ngân hàng B3 chi nhánh L để trả nợ. Kết quả điều tra xác định bà N không biết nguồn gốc số tiền trên do bị cáo T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với nội dung chênh lệch giá trong các hóa đơn mua cây giống và một số sai phạm khác tại Ban Q các huyện, Thanh tra tỉnh Lai Châu đã thành lập Đoàn thanh tra khác tiến hành thanh tra các nội dung theo Quyết định số 01/QĐ-TTr ngày 03/01/2023 và Quyết định số 09/QĐ-TTr ngày 17/01/2023 của Thanh tra tỉnh Lai Châu, Cơ quan điều tra đã ban hành Văn bản số 804/CV-CSHS ngày 23/10/2023 kiến nghị Thanh tra tỉnh Lai Châu khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm chuyển Cơ quan điều tra khởi tố, điều tra là có căn cứ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP-TTCTP ngày 18/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ C8, Bộ Q3, Thanh tra Chính phủ quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Cơ quan thanh tra trong việc trao đổi thông tin về tội phạm và giải quyết kiến nghị khởi tố được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra, vì vậy không đề cập xử lý trong cùng vụ án.

* Tại bản cáo trạng số 02/CT - VKSLC - P1 ngày 21/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố các bị cáo:

Ngô Thị D, Đỗ Lương B về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 354 Bộ luật hình sự;

Nguyễn Thanh T về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự;

Vũ Thanh V, Lê Mạnh C1, Lò Văn N1, Phạm Trọng T6 về tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật hình sự.

Mai Hồng H3, Tống Văn H6, Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn H9, Nguyễn Duy H11, Lò Thanh T9, Nguyễn Văn T12 về tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại khoản 3 Điều 364 Bộ luật hình sự;

Lưu Anh V1, Nguyễn Ngọc C5 về tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo:

Về tội danh đối với các bị cáo:

Tuyên bố các bị cáo: Ngô Thị D, Đỗ Lương B, Nguyễn Thanh T, Vũ Thanh V, Lê Mạnh C1, Lò Văn N1, Phạm Trọng T6 phạm tội “Nhận hối lộ”.

Tuyên bố các bị cáo Mai Hồng H3, Tống Văn H6, Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn H9, Nguyễn Duy H11, Lò Thanh T9, Nguyễn Văn T12, Lưu Anh V1, Nguyễn Ngọc C5 phạm tội “Đưa hối lộ”.

Về hình phạt đối với các bị cáo:

Bị cáo Ngô Thị D: Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 354, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Thị D từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

Cấm bị cáo Ngô Thị D đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thanh tra từ 02 năm đến 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Phạt bị cáo từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Bị cáo Đỗ Lương B: Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 354, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Lương B từ 07 năm đến 08 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

Cấm bị cáo Đỗ Lương B đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thanh tra từ 02 năm đến 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Phạt bị cáo từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thanh T: Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 354, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/5/2023.

Cấm bị cáo Nguyễn Thanh T đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thanh tra từ 02 năm đến 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Phạt bị cáo 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Bị cáo Vũ Thanh V: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình

sự: Xử phạt bị cáo Vũ Thanh V từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Cấm bị cáo Vũ Thanh V đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thanh tra từ 01 năm đến 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Phạt bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Bị cáo Lê Mạnh C1: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Mạnh C1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Cấm bị cáo Lê Mạnh C1 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thanh tra từ 01 năm đến 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Phạt bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Bị cáo Lò Văn N1: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Văn N1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Cấm bị cáo Lò Văn N1 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thanh tra từ 01 năm đến 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Phạt bị cáo 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm Trọng T6: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Trọng T6 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Cấm bị cáo Phạm Trọng T6 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thanh tra từ 01 năm đến 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Phạt bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Bị cáo Mai Hồng H3: Áp dụng khoản 3, khoản 5 Điều 364, điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Mai Hồng H3 từ 03 năm đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

Phạt bị cáo từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Bị cáo Tống Văn H6: Áp dụng khoản 3, khoản 5 Điều 364, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử

phạt bị cáo Tổng Văn H6 từ 03 năm đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

Phạt bị cáo từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Bị cáo Mạch Thọ Q: Áp dụng khoản 3, khoản 5 Điều 364, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Mạch Thọ Q từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

Phạt bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn H9: Áp dụng khoản 3, khoản 5 Điều 364, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H9 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

Phạt bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Duy H11: Áp dụng khoản 3, khoản 5 Điều 364, điểm r, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H11 từ 02 năm đến 03 năm tù, tổng hợp 01 năm 06 tháng tù của bản án số 16/2023/HS-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2023.

Phạt bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Bị cáo Lò Thanh T9: Áp dụng khoản 3, khoản 5 Điều 364, điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Thanh T9 từ 02 năm đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

Phạt bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn T12: Áp dụng khoản 3, khoản 5 Điều 364, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T12 từ 02 năm đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

Phạt bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Bị cáo Lưu Anh V1: Áp dụng điểm e khoản 2, khoản 5 Điều 364, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lưu A1 Võ từ 01 năm đến 02 năm tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Ngọc C5: Áp dụng điểm e khoản 2, khoản 5 Điều 364, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C5 từ 01 năm đến 02 năm tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Giao bị cáo cho Ủy ban

nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

* Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền của các bị cáo nhận hối lộ, cụ thể như sau: Ngô Thị D 80.000.000 đồng; Đỗ Lương B 80.000.000 đồng; Nguyễn Thanh T 300.000.000 đồng; Vũ Thanh V 25.000.000 đồng; Lê Mạnh C1 25.000.000 đồng; Lò Văn N1 25.000.000 đồng; Phạm Trọng T6 25.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã nộp đủ, hiện đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu.

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 màu tím kèm theo sim là của bị cáo Ngô Thị D, 01 điện thoại nhãn hiệu Sam sung Galaxy A31 màu trắng kèm theo sim là của bị cáo Đỗ Lương B, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen kèm theo sim là của bị cáo Nguyễn Thanh T, 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh kèm theo sim là của bị cáo Mai Hồng H3, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh kèm theo sim là của bị cáo Tống Văn H6, 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10 Lite màu đen kèm theo sim là của bị cáo Mạch Thọ Q, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 màu đen kèm theo sim là của bị cáo Nguyễn Văn H9, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy M33 màu xanh kèm theo sim là của bị cáo Lò Thanh T9, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy Note 10 màu trắng kèm theo sim là của bị cáo Nguyễn Văn T12.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án giấy tờ, tài liệu sổ sách liên quan đến thu chi tiền các dự án liên quan đến rừng phòng hộ 2015 đến 2021.

Trả lại cho các bị cáo cụ thể như sau:

Ngô Thị D: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP.

Đỗ Lương B: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS vỏ màu nâu đen.

Nguyễn Thanh T: 01 máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu DELL Vostro 3480; 01 quyển sổ ngoài bìa có in dòng chữ “THANH TRA CHÍNH PHỦ”; 01 quyển sổ màu đen, ngoài bìa có in dòng chữ “NÓI KHÔNG với tham nhũng”; 01 quyển sổ màu đỏ, ngoài bìa có in dòng chữ “SỔ TAY ĐẢNG VIÊN”; một số tài liệu, giấy tờ; 04 thẻ ngân hàng mang tên Nguyễn Thanh T (01 thẻ ngân hàng A2, 01 thẻ ngân hàng T22, 02 thẻ ngân hàng B3); 01 USB màu đen; 01 cây CASE vi tính màu đen; 01 camera hành trình; 01 USB sao trích dữ liệu trong camera hành trình; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M51 màu đen kèm theo sim; 01 điện thoại Sam sung Galaxy A04 màu đen.

Vũ Thanh V: 01 máy tính xách tay Lenovo màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMax màu vàng kèm theo sim.

Lê Mạnh C1: 01 máy tính xách tay hiệu DELL Core i5; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu trắng kèm theo sim.

Lò Văn N1: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ACER Core i3 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSmart màu xám kèm theo sim.

Phạm Trọng T6: 01 máy tính xách tay hiệu DELL màu đen; 01 cây máy tính nhãn hiệu HP màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu trắng.

Mạch Thọ Q: 01 cây lưu dữ liệu máy tính màu đen, nhãn hiệu FPT (M535).

Nguyễn Văn H9: 01 CASE máy vi tính nhãn hiệu DELL INS; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL ISPRION 15 vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng đen kèm theo sim.

Lò Thanh Tùng: 01 cây máy tính nhãn hiệu HP màu đen; 01 mắt camera có gắn một thẻ nhớ; 01 ổ cứng di động.

Nguyễn Văn T12: 01 máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu DELL; 01 IPAD màu đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng Gold.

Lưu Anh V1: 01 điện thoại Iphone XsMax, màu vàng kèm theo sim.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Các bị cáo Vũ Thanh V, Lê Mạnh C1, Lò Văn N1, Phạm Trọng T6, Mai Hồng H3, Tống Văn H6, Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn H9, Nguyễn Duy H11, Lò Thanh T9, Nguyễn Văn T12, Lưu Anh V1, Nguyễn Ngọc C5 nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên.

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Thị D là ông Nguyễn Chí Đ1 cho rằng khung hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo D phải chịu trách nhiệm với tổng số tiền 560.000.000 đồng là chưa phù hợp pháp luật; việc khẳng định ý chủ quan, động cơ, mục đích của bị cáo D đối với Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện là không có, cụ thể là do bị cáo Mai Hồng H3 tự đề xuất, bị cáo D có gợi ý lãnh đạo thì như thế nào nhưng không nói cụ thể, đại diện các Ban đưa cho bị cáo T không thông qua Đoàn thanh tra, việc đưa hay không đưa tiền cho bị cáo T thuộc ý chí chủ quan của đại diện các Ban; không có thông tin cụ thể nào thể hiện bị cáo Đỗ Lương B và bị cáo D biết các Ban đã đưa tiền cho bị cáo T. Theo pháp luật cần phải cá thể hóa hình phạt (ai làm người đó chịu trách nhiệm), không có hành vi cụ thể nào thể hiện D, B nói đưa cho T một số tiền cụ thể. Do đó việc buộc bị cáo D và B chịu trách nhiệm theo khoản 3 Điều 354 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp, mặc dù có thể biết đại diện các Ban đã đến nhà T nhưng không có thông tin cụ thể. Do đó, việc D, B buộc phải biết số tiền đại diện các Ban đưa cho T là không có cơ sở, chưa phù hợp khách quan. Do đó, hành vi của bị cáo D, B chỉ chịu trách nhiệm hình sự theo điểm c khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự. Đối với hình phạt bổ sung là phạt tiền, cần miễn cho các bị cáo vì các bị cáo đều là cán bộ công chức, lương thấp, khi bị truy cứu trách nhiệm hình sự đều không có việc làm.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Lương B là ông Trần Văn H15 cho rằng bị cáo B chỉ là thành viên của Đoàn thanh tra nên không quyết định được việc bỏ qua lỗi vi phạm cho các Ban quản lý rừng phòng hộ; lời khai của bị cáo B đủ cơ sở khẳng định

không biết các Ban đưa tiền cho bị cáo Nguyễn Thanh T là bao nhiêu, các bị cáo Ngô Thị D và Mai Hồng H3 chỉ thống nhất biểu quà cho Đoàn thanh tra, giao B nhận tiền của Đ3; lời khai của bị cáo H3 thể hiện xin Bằng giảm tiền nhưng B trả lời không quyết định được (xin lãnh đạo như thế nào thì cứ thế làm), B chỉ biết nhận số tiền 260.000.000 đồng, không khẳng định nội dung các bị cáo khác đến nhà T như thế nào. Do đó không đủ căn cứ kết tội đối với bị cáo B theo khoản 3 Điều 354 Bộ luật hình sự như Luật sư Nguyễn Chí Đ1 bào chữa cho bị cáo D đã phân tích (chỉ chịu trách nhiệm hình sự theo điểm c khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự). Căn cứ Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 30/12/2020 xem xét áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt cho bị cáo vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với hình phạt bổ sung là phạt tiền, cần miễn cho bị cáo vì bị cáo là công chức, lương thấp, hai con còn nhỏ, bố mẹ già.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T là ông Bùi Việt A, ông Đoàn Văn T15 đồng tình với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và Điều luật áp dụng. Tuy nhiên về mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là chưa thực sự thỏa đáng, chưa đảm bảo theo Điều 31 Bộ luật hình sự, chưa thực sự phù hợp với loại tội phạm này. Theo khoản 9 Điều 2 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 30/12/2020 quy định về “lập công lớn”, xét thấy bị cáo T đã 02 lần có thành tích cứu người, tài sản trong trận lũ năm 1994, 1996 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M tặng Giấy khen nên đề nghị giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo hơn nữa. Về nguyên tắc xử lý tội phạm tham nhũng theo Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP nêu trên quy định có thể miễn hình phạt khi có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và đặc biệt có thêm tình tiết “lập công lớn” nêu trên nên đề nghị xử phạt bị cáo T từ 18 đến 24 tháng tù. Đối với hình phạt bổ sung cần miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

Các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B, Nguyễn Thanh T nhất trí với đề nghị của người bào chữa và không bổ sung gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đều ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo xin lỗi Đảng, chính quyền và các cấp lãnh đạo về những sai phạm của các bị cáo, xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án khoan hồng của pháp luật. Ngoài ra, bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hành vi của các bị cáo chỉ thuộc điểm c khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Duy H11 xin miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền vì bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền phạt của tội “Đánh bạc”; các bị cáo Lưu Anh V1, Nguyễn Ngọc C5 xin miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Trong quá trình chấp hành các quyết định thanh tra đột xuất công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu, sau khi được Ngô Thị D, Đỗ Lương B thông tin về chênh lệch giá trong hóa đơn mua cây giống thực hiện dự án trồng rừng, các bị cáo Mai Hồng H3, Tống Văn H6, Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn H9, Nguyễn Duy H11, Lò Thanh T9, Nguyễn Văn T12 đã cùng nhau bàn bạc, thống nhất đóng góp tổng số tiền 560.000.000 đồng (riêng số tiền 200.000.000 đồng của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện S do các bị cáo Nguyễn Duy H11, Lưu Anh V1, Nguyễn Ngọc C5 bàn bạc, đóng góp) để đưa cho người có chức vụ, quyền hạn tại Thanh tra tỉnh Lai Châu và Đoàn thanh tra nhằm mục đích xin bỏ qua vi phạm về chênh lệch giá trong hóa đơn mua cây giống.

Các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B, Nguyễn Thanh T, Vũ Thanh V, Lê Mạnh C1, Lò Văn N1, Phạm Trọng T6 là những người có chức vụ quyền hạn, đã lợi dụng chức vụ quyền hạn trực tiếp nhận tổng số tiền 560.000.000 đồng để bỏ qua vi phạm khi thực hiện các quyết định thanh tra đột xuất công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Trong đó các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B chịu trách nhiệm với tổng số tiền 560.000.000 đồng đã nhận hối lộ; bị cáo Nguyễn Thanh T chịu trách nhiệm với tổng số tiền 300.000.000 đồng đã nhận hối lộ; các bị cáo Vũ Thanh V, Lê Mạnh C1, Lò Văn N1, Phạm Trọng T6 chịu trách nhiệm với tổng số tiền 25.000.000 đồng đã nhận hối lộ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan Nhà nước, cụ thể là hoạt động thanh tra của Thanh tra tỉnh Lai Châu, làm mất uy tín, giảm niềm tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Ý thức được điều đó nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực pháp luật chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B đủ yếu tố cấu thành tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 354 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh T đủ yếu tố cấu thành tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự; hành vi của các bị cáo Vũ Thanh V, Lê Mạnh C1, Lò Văn N1, Phạm Trọng T6 đủ yếu tố cấu thành tội “Nhận hối lộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật hình sự; hành vi của các bị cáo Mai Hồng H3, Tống Văn H6, Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn H9, Nguyễn Duy H11, Lò Thanh T9, Nguyễn Văn T12 đủ yếu tố cấu thành tội “Đưa hối lộ” theo

quy định tại khoản 3 Điều 364 Bộ luật hình sự; hành vi của các bị cáo Lưu Anh V1, Nguyễn Ngọc C5 đủ yếu tố cấu thành tội “Đưa hối lộ” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự.

[3]. Xét vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với nhóm tội nhận hối lộ: Các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B là người có vai trò chính, đồng phạm với nhau trong việc nhận hối lộ số tiền 560.000.000 đồng, trong đó bị cáo D là người trực tiếp cho Mai Hồng H3 xem hóa đơn vi phạm và yêu cầu H3 làm việc với cấp dưới của mình là Đỗ Lương B, cho H3 biết thành phần đưa hối lộ là Đoàn thanh tra và Chánh thanh tra, thống nhất cùng B phân chia số tiền nhận hối lộ là 260.000.000 đồng cho các thành viên trong Đoàn thanh tra; bị cáo B được D giao nhiệm vụ “làm việc” với đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ về việc đưa và nhận hối lộ, thỏa thuận tổng số tiền đưa hối lộ cho Đoàn thanh tra và Chánh thanh tra, trực tiếp nhận hối lộ 260.000.000 đồng và cùng D thống nhất chia số tiền nhận hối lộ cho các thành viên trong Đoàn thanh tra. Tiếp đến là bị cáo Nguyễn Thanh T đồng phạm với các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B trong việc nhận hối lộ số tiền 300.000.000 đồng tại nhà mình. Các bị cáo có vai trò thứ yếu hơn là Vũ Thanh V, Lê Mạnh C1, Lò Văn N1, Phạm Trọng T6 đồng phạm với Ngô Thị D, Đỗ Lương B trong việc nhận hối lộ số tiền 25.000.000 đồng.

Đối với nhóm tội đưa hối lộ: Các bị cáo Mai Hồng H3, Tống Văn H6, Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn H9, Nguyễn Duy H11, Lò Thanh T9 và Nguyễn Văn T12 đồng phạm với nhau trong việc đóng góp số tiền 560.000.000 đồng đưa hối lộ, trong đó các bị cáo H3 và H6 có vai trò tích cực hơn các bị cáo khác, bị cáo H3 và H6 trực tiếp gặp bị cáo Ngô Thị D và Đỗ Lương B để bàn bạc đưa hối lộ và mỗi bị cáo góp 100.000.000 đồng để cùng các bị cáo đưa hối lộ. Tiếp đến là các bị cáo Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn H9 mỗi bị cáo góp 60.000.000 đồng, Nguyễn Duy H11 góp 200.000.000 đồng (trong đó tổng số tiền của bị cáo Lưu Anh V1 và Nguyễn Ngọc C5 là 140.000.000 đồng), Lò Thanh T9 góp 30.000.000 đồng, Nguyễn Văn T12 góp 10.000.000 đồng. Các bị cáo Lưu Anh V1, Nguyễn Ngọc C5 đồng phạm cùng với bị cáo H11 trong việc góp số tiền 200.000.000 đồng để đưa hối lộ.

Vì vậy, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà mình đã gây ra.

[4]. Đối với ý kiến của các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B và quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo cho rằng hành vi của các bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm c khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự với số tiền 260.000.000 đồng vì các bị cáo không trực tiếp nhận, không có thông tin cụ thể về nội dung các Ban đến nhà bị cáo Nguyễn Thanh T như thế nào và không biết cụ thể số tiền bị cáo T đã nhận là bao nhiêu. Hội đồng xét xử xét thấy: Khi các bị cáo phát hiện hóa đơn cây giống có sự chênh lệch, các bị cáo cho rằng có vi phạm nên bị cáo D đã chủ động thông tin cho đại diện các Ban quản lý rừng phòng hộ huyện những vi phạm khi chưa kết thúc thanh tra là vi phạm pháp luật về thanh tra. Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận trong quá trình điều tra lời khai của các bị cáo là tự nguyện, không bị ép buộc,

tuy nhiên các bị cáo cho rằng bản thân không định hướng, gợi ý cho đại diện các Ban quản lý rừng phòng hộ đưa tiền cho Chánh thanh tra nhưng bị cáo D thừa nhận sau khi H3, H6 đến gặp D tại phòng làm việc, H3 có đề xuất cảm ơn lãnh đạo Thanh tra và Đoàn thanh tra nhưng D nói với H3 sẽ báo cáo bị cáo T, D bảo H3 gặp cấp dưới của mình là Đỗ Lương B, sau đó D chỉ đạo B gặp các Ban; bị cáo Bằng thừa nhận D có chỉ đạo B gặp các B2 và ngay sau đó H3 và H6 đến gặp B tại nhà. Căn cứ vào các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo Ngô Thị D tại các bút lục 1792-1795, 1797, 1804-1805, 1807-1808, 1811-1813; các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo Đỗ Lương B tại các bút lục 1743, 1745-1746, 1755-1767 đều thể hiện nội dung các bị cáo D, B là người thống nhất với H3, H6 về thành phần phải đưa hối lộ là Chánh thanh tra (bị cáo T) và Đoàn thanh tra, thống nhất số tiền đưa hối lộ cho bị cáo T là 300.000.000 đồng và Đoàn thanh tra để xin bỏ qua lỗi vi phạm mà Đoàn thanh tra đã chỉ ra, thống nhất với nhau về phần của bị cáo T để các Ban gặp trực tiếp bị cáo T. Khi đại diện các Ban đến nhà B đưa hối lộ 260.000.000 đồng đã nói cho B biết đại diện các Ban đến nhà T trước khi đến nhà B, sau đó B báo cáo với D về nội dung trên. Các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B biết bị cáo Nguyễn Thanh T đã nhận tiền nên mới thống nhất chia tiền cho các thành viên trong Đoàn thanh tra mà không chia tiền cho bị cáo T. Như vậy, việc đưa và nhận hối lộ diễn ra tại nhà bị cáo T là phản ánh đúng mong muốn của các bị cáo D, B về việc các Ban phải đưa tiền hối lộ cho T, là kết quả của chuỗi hành vi của các bị cáo D, B. Vì vậy việc các bị cáo D, B cho rằng các bị cáo không trực tiếp nhận tiền cho bị cáo T, không biết thông tin cụ thể về nội dung các Ban đến nhà bị cáo T như thế nào, không biết cụ thể số tiền bị cáo T nhận là bao nhiêu, đây không phải là yếu tố loại trừ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo D, B về hành vi nhận hối lộ 300.000.000 đồng của bị cáo T. Hơn nữa, lời khai của các bị cáo Mai Hồng H3, Tống Văn H6 tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo D, B trong quá trình điều tra. Do đó hành vi của các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B thỏa mãn điểm a khoản 3 Điều 354 Bộ luật hình sự.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo với mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù và áp dụng tình tiết “lập công lớn” vì đã 02 lần có thành tích cứu người, tài sản trong trận lũ năm 1994, 1996 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M tặng Giấy khen. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo Nguyễn Thanh T có 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tình tiết “lập công lớn” đã được ghi nhận là Giấy khen nên thuộc tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo T thuộc điểm c khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm nên người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù là không thỏa mãn khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Đối với ý kiến của các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B, Nguyễn Thanh T và người bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo Nguyễn Duy H11, Lưu Anh V1, Nguyễn Ngọc C5 đều xin miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền, Hội đồng xét xử xét thấy: Các

bị cáo không thuộc điều kiện, hoàn cảnh kinh tế khó khăn và để hỗ trợ tăng cường của hình phạt chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cụ thể như sau:

Bị cáo Ngô Thị D: Khi bị bắt bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền do nhận hối lộ mà có là 80.000.000 đồng; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen năm 2014, 2017, 2018, 2020 và Thanh tra Chính phủ tặng Bằng khen năm 2016; bố đẻ là Ngô Sỹ P được Chủ tịch nước tặng thưởng nhiều H19, Huy chương và Giấy khen, mẹ đẻ là Hoàng Thị M được tặng Huy chương. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đỗ Lương B: Quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ số tiền do nhận hối lộ mà có là 80.000.000 đồng; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình, bố đẻ là Đỗ Xuân B1 và mẹ đẻ là Trần Thị L là đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và quốc tế, trong quá trình công tác bị cáo được Ban chấp hành công đoàn viên chức tỉnh Lai Châu tặng Giấy khen năm 2017, 2019 và Chánh thanh tra tỉnh Lai Châu tặng Giấy khen năm 2012, 2017. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thanh T: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ số tiền do nhận hối lộ mà có là 300.000.000 đồng; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo được Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen năm 2017, Thanh tra Chính phủ tặng Bằng khen năm 2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ tặng Bằng khen năm 2006, 2008, Ban chấp hành Liên đoàn lao động tỉnh L tặng Bằng khen năm 2016, Ban thường vụ Liên đoàn lao động tỉnh Lai Châu tặng Bằng khen năm 2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen năm 2011, 2015, 2016, 2020, 2021, 2022; nhiều lần được các cấp có thẩm quyền tặng Giấy khen (trong đó có 02 lần có thành tích cứu người, tài sản trong trận lũ năm 1994, 1996 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M tặng Giấy khen), mẹ đẻ là Nguyễn Thị T20 được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, bố đẻ là Nguyễn Văn T1 được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Vũ Thanh V: Quá trình điều tra, bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền do nhận hối lộ mà có là 25.000.000 đồng; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình, Chánh thanh tra tỉnh Lai Châu và Ban chỉ huy

quân sự thành phố L tặng nhiều Giấy khen. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Mạnh C1: Quá trình điều tra, bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền do nhận hối lộ mà có là 25.000.000 đồng; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen năm 2021; bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lò Văn N1: Quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ số tiền do nhận hối lộ mà có là 25.000.000 đồng; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo được Bộ trưởng Bộ N7 tặng Bằng khen năm 2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen năm 2017, 2020; Giám đốc sở N và Ban thường vụ công đoàn viên chức tỉnh Lai Châu tặng nhiều Giấy khen, ông nội là Lò Văn M1 và ông ngoại là Lìm Văn H18 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Phạm Trọng T6: Quá trình điều tra, bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền do nhận hối lộ mà có là 25.000.000 đồng; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình, bố đẻ là Phạm Trọng T7 và mẹ đẻ là Vũ Thị C3 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Mai Hồng H3: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen năm 2010, 2017; quá trình tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L bị cáo đã cung cấp nhiều thông tin có giá trị giúp nhanh chóng kết thúc tin báo tố giác tội phạm khác nên ngày 15/02/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M có Công văn số 28/CV-CQĐT xin giảm nhẹ hình phạt và ngày 15/4/2024 Trại tạm giam Công an tỉnh L có Công văn số 191/BC-TTG về việc bị cáo chấp hành pháp luật tốt tại cơ sở giam giữ; Ban chấp hành Đoàn thanh niên tỉnh Lai Châu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T tặng nhiều Giấy khen, bố đẻ là Mai Hồng H4 được tặng Huy chương kháng chiến, mẹ đẻ là Phạm Thị H5 được tặng Giấy khen, Huy chương, vợ bị cáo là Nguyễn Thị D1 được tặng Bằng khen và Giấy khen. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Tống Văn H6: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen năm 2011, 2016, Ban chấp hành Hội Nông dân tỉnh L tặng Bằng khen năm 1999; Ban chấp hành Đảng bộ huyện M, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M tặng nhiều Giấy khen, bị cáo đã đầu thú về hành

vi phạm tội của mình, bà nội là Điều Thị X được tặng Huân chương kháng chiến. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Mạch Thọ Q: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen năm 2019; bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình, bố đẻ là Mạch Thọ H7 được tặng nhiều H19, Huy chương, mẹ đẻ là Lê Thị H8 là thanh niên xung phong, bà nội là Nguyễn Thị X1 là bà mẹ Việt Nam anh hùng. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn H9: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen năm 2015, 2016, 2017, 2018; Chủ tịch Ủy ban nhân huyện N tặng nhiều Giấy khen. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Duy H11: Ngày 28/12/2023, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, hiện bị cáo đang chấp hành án; ngày 20/3/2023 bị cáo bị bắt về tội đánh bạc, đến ngày 23/3/2023 bị cáo tự thú về hành vi đưa hối lộ, nhận hối lộ của mình và các đồng phạm; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; quá trình điều tra bị cáo đã giúp đỡ Cơ quan điều tra cung cấp nhiều thông tin có giá trị liên quan đến vụ án khác xảy ra trên địa bàn và qua đó đã khởi tố, điều tra vụ án nên Phòng K2 Công an tỉnh L có Công văn số 713/CV-CSHS ngày 11/12/2023 đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen năm 2009, Bộ trưởng Bộ K3 và đầu tư tặng Bằng khen năm 2019; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S tặng nhiều Giấy khen, bố đẻ là Nguyễn Duy H12 được tặng nhiều Huân, Huy chương và B khen, vợ bị cáo là Phạm Kim N3 được Tổng giám đốc B5 tặng Bằng khen. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm r, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lò Thanh T9: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; trong quá trình điều tra bị cáo đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra cung cấp nhiều thông tin có giá trị liên quan đến vụ án khác xảy ra trên địa bàn và đã khởi tố, điều tra, truy tố vụ án nên ngày 11/12/2023 Phòng K2 Công an tỉnh L có Công văn số 714/CV-CSHS xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen năm 2017, Ban tặng Bằng khen năm 2020; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T tặng nhiều Giấy khen, bố đẻ là Lò Thanh Q1 được tặng nhiều Huy chương, ông nội là Lò Văn V4, ông ngoại là Đinh Hữu H19 và bà ngoại là Lò Thị M2 được tặng H19, Huy chương. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T12: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều

thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen năm 2010; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, Giám đốc Sở T tặng nhiều Giấy khen, vợ bị cáo là Nguyễn Thị Kim T13 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen, bố đẻ là Nguyễn Tấn L4 và mẹ đẻ là Nguyễn Thị N4 được tặng Huân chương, ông nội là Nguyễn Tấn M3 được tặng nhiều Huân chương, Giấy khen. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lưu Anh V1: Trong quá trình điều tra, truy tố thành khẩn khai báo, tại phiên tòa lúc đầu bị cáo quanh co, chối tội nhưng sau đó đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen năm 2011; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S tặng nhiều Giấy khen, bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình, bố đẻ là Lưu Quang C4 được tặng Huy chương và là thương binh. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Ngọc C5: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng Bằng khen năm 2016; bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình, bố đẻ là Nguyễn Văn D2 là thương binh và được tặng nhiều Huân, Huy chương, anh trai bị cáo là Nguyễn Văn H20 được Chủ tịch nước tặng nhiều Huy chương. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với nhóm tội nhận hối lộ: Trong vụ án này các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B có vai trò cao nhất, trong đó bị cáo D có vai trò cao hơn bị cáo B nên cần có mức hình phạt tù đối với bị cáo D cao hơn bị cáo B. Tiếp đến là bị cáo Nguyễn Thanh T. Nhưng xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên có thể cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cũng đủ sức răn đe, giáo dục cải tạo các bị cáo. Đối với các bị cáo Vũ Thanh V, Lê Mạnh C1, Lò Văn N1, Phạm Trọng T6 có vai trò thứ yếu, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cho các bị cáo V, C1, N1, T6 được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự và cần tạo điều kiện cho các bị cáo được sửa chữa lỗi lầm, do đó có thể cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương và ấn định thời gian thử thách theo Điều 65 Bộ luật hình sự để các bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước ta mà cố gắng cải tạo mình thành người công dân có ích cho xã hội.

Đối với nhóm tội đưa hối lộ: Các bị cáo Mai Hồng H3, Tống Văn H6 là những người có vai trò tích cực, trực tiếp gặp các bị cáo D, B trao đổi về việc đưa hối lộ, tích cực trong việc tập hợp các bị cáo là các Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ để đưa hối lộ và mỗi bị cáo góp 100.000.000 đồng là số tiền nhiều hơn các bị cáo khác nên các bị cáo H3, H6 cần có mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và đặc biệt là lời khai của các bị cáo H3, H6 tại phiên tòa đã tiếp tục làm rõ được tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án, làm rõ được hành vi phạm tội của các bị cáo D, B nên khi quyết định hình phạt cần cân nhắc, xem xét để có mức hình phạt phù hợp cho các bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng. Tiếp đến là các bị cáo Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn H9, Nguyễn Duy H11, Lò Thanh T9, Nguyễn Văn T12 đều là những người thực hành tích cực, các bị cáo Q, H9 mỗi bị cáo góp 60.000.000 đồng, bị cáo H11 góp 200.000.000 đồng (trong đó có 140.000.000 đồng của bị cáo Lưu Anh V1 và Nguyễn Ngọc C5), bị cáo T9 góp 30.000.000 đồng và bị cáo T12 góp 10.000.000 đồng nên cần có mức hình phạt phù hợp đối với các bị cáo. Xét thấy các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên có thể cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo. Đối với các bị cáo Lưu Anh V1, Nguyễn Ngọc C5 có vai trò thứ yếu hơn, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ mà không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên có thể cho các bị cáo V1, C5 được hưởng mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, được cải tạo tại địa phương và ấn định thời gian thử thách theo Điều 65 Bộ luật hình sự để các bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước ta mà cố gắng cải tạo mình thành người công dân có ích cho xã hội.

Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Duy H11 đang chấp hành bản án số 16/2023/HS-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu nhưng nay lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này nên Hội đồng xét xử cần tổng hợp hình phạt của nhiều bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự.

Do đó quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai. Tuy nhiên về phần hình phạt chính đối với các bị cáo Ngô Thị D, Mai Hồng H3, Tống Văn H6, Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn H9 mà Kiểm sát viên đề nghị có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử xét thấy có thể cho các bị cáo D, H3, H6, Q, H9 được hưởng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của Kiểm sát viên cũng đủ răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung đối với xã hội; đối với hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy để hỗ trợ tăng cường của hình phạt chính nên cần áp dụng, tuy nhiên cần giảm nhẹ một phần cho các bị cáo để các bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước ta.

Không chấp nhận ý kiến của các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B và đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo về việc các bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm c khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự; không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T về việc cho bị cáo hưởng mức hình phạt từ 18 tháng đến 24 tháng tù như phân tích tại mục [4] nêu trên.

Không chấp nhận miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Duy H11, Lưu Anh V1, Nguyễn Ngọc C5 như phân tích tại mục [4] nêu trên.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 354 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 364 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, cụ thể như sau:

Các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B: Cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thanh tra 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Phạt mỗi bị cáo 50.000.000 đồng. Miễn tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Bị cáo Nguyễn Thanh T: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thanh tra 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Phạt bị cáo 40.000.000 đồng. Miễn tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Các bị cáo Vũ Thanh V, Lê Mạnh C1, Lò Văn N1, Phạm Trọng T6: Cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thanh tra 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Phạt mỗi bị cáo 30.000.000 đồng. Miễn tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Các bị cáo Mai Hồng H3, Tống Văn H6: Phạt mỗi bị cáo 20.000.000 đồng.

Các bị cáo Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn H9: Phạt mỗi bị cáo 15.000.000 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Duy H11, Lò Thanh T9, Nguyễn Văn T12, Lưu Anh V1, Nguyễn Ngọc C5: Phạt mỗi bị cáo 10.000.000 đồng.

[7]. Về vật chứng vụ án:

Đối với số tiền các bị cáo nhận hối lộ, cụ thể: Ngô Thị D 80.000.000 đồng; Đỗ Lương B 80.000.000 đồng; Nguyễn Thanh T 300.000.000 đồng; Vũ Thanh V 25.000.000 đồng; Lê Mạnh C1 25.000.000 đồng; Lò Văn N1 25.000.000 đồng; Phạm Trọng T6 25.000.000 đồng, cần truy thu sung quỹ Nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình. Xác nhận các bị cáo đã nộp đủ, hiện đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu

Đối với các điện thoại Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 màu tím kèm theo sim là của bị cáo Ngô Thị D, 01 điện thoại nhãn hiệu Sam sung Galaxy A31 màu trắng kèm theo sim là của bị cáo Đỗ Lương B, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen kèm theo sim là của bị cáo Nguyễn Thanh T, 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh kèm theo sim là của

bị cáo Mai Hồng H3, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh kèm theo sim là của bị cáo Tống Văn H6, 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10 Lite màu đen kèm theo sim là của bị cáo Mạch Thọ Q, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 màu đen kèm theo sim là của bị cáo Nguyễn Văn H9, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy M33 màu xanh kèm theo sim là của bị cáo Lò Thanh T9, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy Note 10 màu trắng kèm theo sim là của bị cáo Nguyễn Văn T12. Kết quả điều tra xác định, các bị cáo dùng các điện thoại trên để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với các giấy tờ, tài liệu sổ sách liên quan đến thu chi tiền các dự án liên quan đến rừng phòng hộ 2015 đến 2021 cần tịch thu lưu hồ sơ theo Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với các tài sản, giấy tờ sổ sách mà Cơ quan điều tra thu giữ không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo theo Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, cụ thể:

Trả cho Ngô Thị D: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP.

Trả cho Đỗ Lương B: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS vỏ màu nâu đen.

Trả cho Nguyễn Thanh T: 01 máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu DELL Vostro 3480; 01 quyển sổ ngoài bìa có in dòng chữ “THANH TRA CHÍNH PHỦ”; 01 quyển sổ màu đen, ngoài bìa có in dòng chữ “NÓI KHÔNG với tham nhũng”; 01 quyển sổ màu đỏ, ngoài bìa có in dòng chữ “SỔ TAY ĐẢNG VIÊN”; một số tài liệu, giấy tờ; 04 thẻ ngân hàng mang tên Nguyễn Thanh T (01 thẻ ngân hàng A2, 01 thẻ ngân hàng T22, 02 thẻ ngân hàng B3); 01 USB màu đen; 01 cây CASE vi tính màu đen; 01 camera hành trình; 01 USB sao trích dữ liệu trong camera hành trình; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M51 màu đen kèm theo sim; 01 điện thoại Sam sung Galaxy A04 màu đen.

Trả cho Vũ Thanh V: 01 máy tính xách tay Lenovo màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMax màu vàng kèm theo sim.

Trả cho Lê Mạnh C1: 01 máy tính xách tay hiệu DELL Core i5; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu trắng kèm theo sim.

Trả cho Lò Văn N1: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ACER Core i3 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSmart màu xám kèm theo sim.

Trả cho Phạm Trọng T6: 01 máy tính xách tay hiệu DELL màu đen; 01 cây máy tính nhãn hiệu HP màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu trắng.

Trả cho Mạch Thọ Q: 01 cây lưu dữ liệu máy tính màu đen, nhãn hiệu FPT (M535).

Trả cho Nguyễn Văn H9: 01 CASE máy vi tính nhãn hiệu DELL INS; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL ISPRION 15 vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng đen kèm theo sim.

Trả cho Lò Thanh T9: 01 cây máy tính nhãn hiệu HP màu đen; 01 mắt camera có gắn một thẻ nhớ; 01 ổ cứng di động;

Trả cho Nguyễn Văn T12: 01 máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu DELL; 01 IPAD màu đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng Gold.

Trả cho Lưu A1 Võ: 01 điện thoại Iphone XsMax, màu vàng kèm theo sim.

[8]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết

số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 354, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B. Căn cứ thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Thị D;

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 354, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh T;

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Thanh V, Lê Mạnh C1, Lò Văn N1, Phạm Trọng T6. Căn cứ thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Mạnh C1, Lò Văn N1;

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 364, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Mai Hồng H3, Tống Văn H6, Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn H9, Nguyễn Duy H11, Lò Thanh T9, Nguyễn Văn T12. Căn cứ thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Mai Hồng H3, Nguyễn Duy H11, Lò Thanh T9. Căn cứ thêm điểm r khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy H11;

Căn cứ điểm e khoản 2, khoản 5 Điều 364, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lưu Anh V1, Nguyễn Ngọc C5;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B, Nguyễn Thanh T, Vũ Thanh V, Lê Mạnh C1, Lò Văn N1, Phạm Trọng T6, Mai Hồng H3, Tống Văn H6, Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn H9, Nguyễn Duy H11, Lò Thanh T9, Nguyễn Văn T12, Lưu Anh V1, Nguyễn Ngọc C5.

1. Tuyên bố các bị cáo:

Các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B, Nguyễn Thanh T, Vũ Thanh V, Lê Mạnh C1, Lò Văn N1, Phạm Trọng T6 phạm tội “Nhận hối lộ”.

Các bị cáo Mai Hồng H3, Tống Văn H6, Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn H9, Nguyễn Duy H11, Lò Thanh T9, Nguyễn Văn T12, Lưu Anh V1, Nguyễn Ngọc C5 phạm tội “Đưa hối lộ”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Ngô Thị D 07 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

2.2. Xử phạt bị cáo Đỗ Lương B 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

2.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/5/2023.

2.4. Xử phạt bị cáo Vũ Thanh V 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/5/2024). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.5. Xử phạt bị cáo Lê Mạnh C1 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/5/2024). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.6. Xử phạt bị cáo Lò Văn N1 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/5/2024). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.7. Xử phạt bị cáo Phạm Trọng T6 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/5/2024). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.8. Xử phạt bị cáo Mai Hồng H3 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

2.9. Xử phạt bị cáo Tống Văn H6 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

2.10. Xử phạt bị cáo Mạch Thọ Q 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

2.11. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H9 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

2.12. Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H11 02 năm tù, tổng hợp 01 năm 06 tháng tù của bản án số 16/2023/HS-ST ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2023.

2.13. Xử phạt bị cáo Lò Thanh T9 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

2.14. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T12 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

2.15. Xử phạt bị cáo Lưu Anh V1 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/5/2024). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2.16. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C5 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/5/2024). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

** Trường hợp các bị cáo Vũ Thanh V, Lê Mạnh C1, Lò Văn N1, Phạm Trọng T6, Lưu Anh V1, Nguyễn Ngọc C5 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.*

3. Về hình phạt bổ sung:

3.1. Cấm bị cáo Ngô Thị D đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thanh tra 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Phạt bị cáo 50.000.000 đồng.

3.2. Cấm bị cáo Đỗ Lương B đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thanh tra 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Phạt bị cáo 50.000.000 đồng.

3.3. Cấm bị cáo Nguyễn Thanh T đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thanh tra 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Phạt bị cáo 40.000.000 đồng.

3.4. Cấm bị cáo Vũ Thanh V đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thanh tra 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Phạt bị cáo 30.000.000 đồng.

3.5. Cấm bị cáo Lê Mạnh C1 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thanh tra 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Phạt bị cáo 30.000.000 đồng.

3.6. Cấm bị cáo Lò Văn N1 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thanh tra 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Phạt bị cáo 30.000.000 đồng.

3.7. Cấm bị cáo Phạm Trọng T6 đảm nhiệm chức vụ liên quan đến thanh tra 01 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Phạt bị cáo 30.000.000 đồng.

3.8. Phạt bị cáo Mai Hồng H3 20.000.000 đồng.

3.9. Phạt bị cáo Tống Văn H6 20.000.000 đồng.

3.10. Phạt bị cáo Mạch Thọ Q 15.000.000 đồng.

3.11. Phạt bị cáo Nguyễn Văn H9 15.000.000 đồng.

3.12. Phạt bị cáo Nguyễn Duy H11 10.000.000 đồng.

3.13. Phạt bị cáo Lò Thanh T9 10.000.000 đồng.

3.14. Phạt bị cáo Nguyễn Văn T12 10.000.000 đồng.

3.15. Phạt bị cáo Lưu Anh V1 10.000.000 đồng.

3.16. Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C5 10.000.000 đồng.

[4]. Về vật chứng vụ án:

4.1. Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền của các bị cáo nhận hối lộ, cụ thể như sau: Ngô Thị D 80.000.000 đồng; Đỗ Lương B 80.000.000 đồng; Nguyễn Thanh T 300.000.000 đồng; Vũ Thanh V 25.000.000 đồng; Lê Mạnh C1 25.000.000 đồng; Lò Văn N1 25.000.000 đồng; Phạm Trọng T6 25.000.000 đồng. Xác nhận các bị cáo đã nộp đủ, hiện đang lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu.

4.2. Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12 màu tím kèm theo sim là của bị cáo Ngô Thị D, 01 điện thoại nhãn hiệu Sam sung Galaxy A31 màu trắng kèm theo sim là của bị cáo Đỗ Lương B, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen kèm theo sim là của bị cáo Nguyễn Thanh T, 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO F9 màu xanh kèm theo sim là của bị cáo Mai Hồng H3, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh kèm theo sim là của bị cáo Tống Văn H6, 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10 Lite màu đen kèm theo sim là của bị cáo Mạch Thọ Q, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 màu đen kèm theo sim là của bị cáo Nguyễn Văn H9, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy M33 màu xanh kèm theo sim là của bị cáo Lò Thanh T9, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy Note 10 màu trắng kèm theo sim là của bị cáo Nguyễn Văn T12.

4.3. Tịch thu lưu hồ sơ vụ án giấy tờ, tài liệu sổ sách liên quan đến thu chi tiền các dự án liên quan đến rừng phòng hộ 2015 đến 2021.

4.4. Trả lại cho các bị cáo cụ thể như sau:

- Ngô Thị D: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP.
- Đỗ Lương B: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS vỏ màu nâu đen.
- Nguyễn Thanh T: 01 máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu DELL Vostro 3480; 01 quyển sổ ngoài bìa có in dòng chữ “THANH TRA CHÍNH PHỦ”; 01 quyển sổ màu đen, ngoài bìa có in dòng chữ “NÓI KHÔNG với tham nhũng”; 01 quyển sổ màu đỏ, ngoài bìa có in dòng chữ “SỔ TAY ĐẢNG VIÊN”; một số tài liệu, giấy tờ; 04 thẻ ngân hàng mang tên Nguyễn Thanh T (01 thẻ ngân hàng A2, 01 thẻ ngân hàng T22, 02 thẻ ngân hàng B3); 01 USB màu đen; 01 cây CASE vi tính màu đen; 01 camera hành trình; 01 USB sao trích dữ liệu trong camera hành trình; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M51 màu đen kèm theo sim; 01 điện thoại Sam sung Galaxy A04 màu đen.

- Vũ Thanh V: 01 máy tính xách tay Lenovo màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSMax màu vàng kèm theo sim.

- Lê Mạnh C1: 01 máy tính xách tay hiệu DELL Core i5; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu trắng kèm theo sim.

- Lò Văn N1: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ACER Core i3 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VSmart màu xám kèm theo sim.

- Phạm Trọng T6: 01 máy tính xách tay hiệu DELL màu đen; 01 cây máy tính nhãn hiệu HP màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu trắng.

- Mạch Thọ Q: 01 cây lưu dữ liệu máy tính màu đen, nhãn hiệu FPT (M535).

- Nguyễn Văn H9: 01 CASE máy vi tính nhãn hiệu DELL INS; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL ISPRION 15 vỏ màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng đen kèm theo sim.

- Lò Thanh Tùng: 01 cây máy tính nhãn hiệu HP màu đen; 01 mắt camera có gắn một thẻ nhớ; 01 ổ cứng di động.

- Nguyễn Văn T12: 01 máy tính xách tay màu đen nhãn hiệu DELL; 01 IPAD màu đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng Gold.

- Lưu Anh V1: 01 điện thoại Iphone XsMax, màu vàng kèm theo sim.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh L và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu vào hồi 09 giờ 15 phút ngày 09/01/2024 và biên lai số 0000009 ngày 03/11/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu).

5. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu;
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo; Người bào chữa;
- UBND phường ĐP, QT, ĐK, TP;
- UBND thị trấn Sìn Hồ;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương